

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 02 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về

nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hoài Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thảo Nguyễn;
2. Ông Bùi Văn Thảng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trà Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 52/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QDDST-HNGĐ ngày 30/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1993.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/9/2023 chị Hoàng Thị T trình bày:

Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau vào ngày 26/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn, chị T và anh N sống với nhau tại nhà bố mẹ anh N. Do điều kiện kinh tế nên từ

cuối năm 2019, anh **N** đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để làm ăn đến nay không trở về Việt Nam. Trong thời gian đầu anh **N** thường xuyên liên lạc về gia đình nhưng dần dần phát sinh mâu thuẫn nên anh **Nguyễn Văn N** ít liên lạc, cuộc sống hôn nhân lạnh nhạt, không chia sẻ, quan tâm nhau, không tìm được tiếng nói chung. Cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài thì cuộc sống sẽ không có hạnh phúc nên chị **Hoàng Thị T** làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Nguyễn Văn N**.

Về con chung:

Chị **Hoàng Thị T**, anh **Nguyễn Văn N** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Hoàng O**, sinh ngày 12/7/2019 và cháu **Nguyễn Hoàng L**, sinh ngày 31/5/2015. Hiện nay cả hai cháu đang ở với mẹ là chị **Hoàng Thị T**. Vì anh **N** đang ở Đài Loan nên chị **T** mong muốn khi ly hôn sẽ được quyền nuôi 02 cháu mà không yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh **Nguyễn Văn N**: Anh **N** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng vắng mặt và không có ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hoàng Thị T** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn N**.

Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Hoàng O**, sinh ngày 12/7/2019 và cháu **Nguyễn Hoàng L**, sinh ngày 31/5/2015 cho chị **T** chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **N** không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị **Hoàng Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Chị **Hoàng Thị T** có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh **Nguyễn Văn N**. Theo Công văn số 2753/PA08 (Đ1) ngày 03/10/2023 của **Công an tỉnh Q** xác nhận: Anh **Nguyễn Văn N** đã xuất cảnh ra nước ngoài vào ngày 04/02/2020, cho đến nay vẫn chưa nhập cảnh về lại Việt Nam. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị thụ lý giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung của chị **T**, anh **N** là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thủ tục hòa giải:

Anh **Nguyễn Văn N** ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể nên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của các đương sự:

Chị **Hoàng Thị T** có đơn đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt.

Anh **Nguyễn Văn N** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời Tòa án đã làm việc với bà **Nguyễn Thị T1** (là mẹ của anh **Nguyễn Văn N**); bà **T1** biết anh **N** ở nước ngoài và không cung cấp địa chỉ của anh **N** đang sinh sống cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **Nguyễn Văn N** theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị **Hoàng Thị T** và anh **Nguyễn Văn N** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **V**, huyện **V**, tỉnh Quảng Trị vào ngày 26/01/2015. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Quá trình vợ chồng chung sống, do anh **N** đi xuất khẩu lao động và ở lại nước ngoài thời gian dài, ít liên lạc và không cho chị biết rõ địa chỉ ở đâu tại Đài Loan. Cuộc sống hôn nhân giữa anh **N** và chị **T** ngày càng lạnh nhạt, không chia sẻ, quan tâm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra không thể phục được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị **T** xin được ly hôn với anh **N** là có cơ sở cần được chấp nhận. Căn cứ Điều

51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Hoàng Thị T** đối với anh **Nguyễn Văn N**.

[3] Về con chung:

Chị **Hoàng Thị T** và anh **Nguyễn Văn N** có hai con chung là cháu **Nguyễn Hoàng O**, sinh ngày 12/7/2019 và cháu **Nguyễn Hoàng L**, sinh ngày 31/5/2015. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện nay 02 cháu đang ở với mẹ, cần được bảo đảm mọi mặt về thể chất, tinh thần của Luật Bảo vệ trẻ em. Và cháu **Nguyễn Hoàng L** có mong muốn được ở cùng mẹ. Do đó, giao 02 cháu **Nguyễn Hoàng O** và **Nguyễn Hoàng L** cho chị **T** chăm sóc, nuôi dưỡng là đúng quy định pháp luật. Chị **T** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không buộc anh **Nguyễn Văn N** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị **Hoàng Thị T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Hoàng Thị T** là nguyên đơn và có yêu cầu nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 207; khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hoàng Thị T**.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Hoàng Thị T** được ly hôn anh **Nguyễn Văn N**.

2. Về con chung:

Giao cháu **Nguyễn Hoàng O**, sinh ngày 12/7/2019 và cháu **Nguyễn Hoàng L**, sinh ngày 31/5/2015 cho chị **Hoàng Thị T** chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **Nguyễn Văn N** không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản và nợ chung:

Chị **Hoàng Thị T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Chị **Hoàng Thị T** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số CC/2021/0000453 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị **T** đã nộp đủ án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị **Hoàng Thị T** được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh **Nguyễn Văn N** được kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Vĩnh Sơn, h.Vĩnh Linh;
- Lưu: HS, tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Hoài Thủy